

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh (22821801)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Duyệt  
Đỗ Văn Duy  
Ngô Phạm  
Mai Trang

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                 | Ngày sinh        | Mã lớp                | Số tờ Mã đề         | Chữ ký SV | Đ. QT (40%) | Đ. Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------|------------------|-----------------------|---------------------|-----------|-------------|--------------|---------|---------|
| 1   | 2125180043            | Nguyễn Bảo                | Bảo              | 13/02/2007            | CCQ2518B            | 24 Bảo    | 5.2         | 6.4          | 5.9     |         |
| 2   | 2125180011            | Trần Đình                 | Bình             | 11/07/2007            | CCQ2518A            | 25 Bình   | 7.4         | 6.6          | 6.9     |         |
| 3   | 2123180035            | Trần Tiến                 | Bình             | 21/09/2005            | CCQ2318A            | 03 Bình   | 7.2         | 5.2          | 6.0     |         |
| 4   | 2125180042            | Tạ Quốc                   | Đại              | 14/03/2007            | CCQ2518B            | 33 Đại    | 4.6         | 7.6          | 6.4     |         |
| 5   | 2125180049            | Nguyễn Thành              | Danh             | 10/12/2007            | CCQ2518B            | 05 Danh   | 4.6         | 7.8          | 6.5     | HP      |
| 6   | 2125180022            | Nguyễn Quốc               | Đạt              | 06/08/2007            | CCQ2518A            | 06 Đạt    | 4.4         | 7.6          | 6.3     |         |
| 7   | 2125180047            | Trần Tiến                 | Đạt              | 17/12/2007            | CCQ2518B            | 07 Đạt    | 5.4         | 5.8          | 5.6     |         |
| 8   | 2125180006            | Võ Tấn                    | Đạt              | 19/02/2007            | CCQ2518A            | 08 Tấn    | 5.0         | 7.2          | 6.3     |         |
| 9   | 2125180122            | Trần Ý                    | Đô               | 26/06/2002            | CCQ2518A            | 09 Đô     | 7.0         | 6.4          | 6.6     | HP      |
| 10  | 2125180053            | Nguyễn Huỳnh              | Đức              | 05/02/2007            | CCQ2518B            | 10 Huỳnh  | 5.0         | 6.4          | 5.8     |         |
| 11  | 2125180018            | Trần Văn                  | Đức              | 20/11/2007            | CCQ2518A            | 11 Văn    | 7.4         | 5.2          | 6.1     |         |
| 12  | 2125180019            | Hồ Minh                   | Duy              | 07/08/2007            | CCQ2518A            | 12 Minh   | 7.0         | 5.2          | 5.9     |         |
| 13  | <del>2125180026</del> | <del>Hồ Quang</del>       | <del>Duy</del>   | <del>30/03/2007</del> | <del>CCQ2518A</del> |           | 0.0         |              |         | HP      |
| 14  | 2124180084            | Võ Khắc                   | Duy              | 15/04/2006            | CCQ2418A            | 13 Khắc   | 6.6         | 3.8          | 4.9     |         |
| 15  | 2123180027            | Lê Văn                    | Hạ               | 17/07/2005            | CCQ2318A            | 15 Văn    | 6.4         | 7.8          | 7.2     |         |
| 16  | 2125180015            | Trần Nhật                 | Hào              | 16/01/2007            | CCQ2518A            | 16 Nhật   | 5.0         | 6.6          | 6.0     |         |
| 17  | 2125180055            | Trần Nhật                 | Hào              | 02/03/2005            | CCQ2518B            | 17 Nhật   | 7.2         | 7.6          | 7.4     |         |
| 18  | 2125180114            | Nguyễn Quang              | Hùng             | 20/11/2007            | CCQ2518B            | 18 Quang  | 6.0         | 6.0          | 6.0     |         |
| 19  | 2125180008            | Huỳnh Duy                 | Hung             | 11/02/2007            | CCQ2518A            | 19 Duy    | 5.4         | 5.6          | 5.5     | HP      |
| 20  | 2125180031            | Trần Quốc                 | Hữu              | 03/08/2006            | CCQ2518A            | 20 Quốc   | 5.2         | 6.8          | 6.2     |         |
| 21  | 2125180014            | Nguyễn Đình Đức           | Huy              | 24/12/2006            | CCQ2518A            | 21 Đình   | 4.6         | 6.8          | 5.9     |         |
| 22  | 2125180070            | Nguyễn Khánh              | Huy              | 15/04/2007            | CCQ2518B            | 22 Khánh  | 5.2         | 7.0          | 6.3     |         |
| 23  | 2125180051            | Trần Quốc                 | Huy              | 24/11/2007            | CCQ2518B            | 23 Quốc   | 5.0         | 5.6          | 5.4     |         |
| 24  | <del>2125180036</del> | <del>Bùi Tri</del>        | <del>Khang</del> | <del>07/09/2006</del> | <del>CCQ2518B</del> |           | 0.0         |              |         | HP      |
| 25  | 2125180001            | Huỳnh Tấn                 | Khang            | 26/01/2006            | CCQ2518A            | 26 Tấn    | 5.0         | 6.4          | 5.8     |         |
| 26  | <del>2125180044</del> | <del>Nguyễn Phạm Lê</del> | <del>Kiên</del>  | <del>06/06/2007</del> | <del>CCQ2518B</del> |           | 0.0         |              |         | HP      |
| 27  | 2125180071            | Nguyễn Văn Chí            | Kiệt             | 21/08/2007            | CCQ2518B            | 27 Chí    | 5.2         | 8.4          | 7.1     |         |
| 28  | 2125180064            | Trần Thanh                | Liêm             | 03/05/2007            | CCQ2518B            | 28 Thanh  | 5.2         | 8.6          | 7.2     |         |
| 29  | 2125180037            | Phan Đỗ Hoàng             | Mỹ               | 20/06/2007            | CCQ2518B            | 29 Hoàng  | 4.0         | 8.0          | 6.4     |         |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1   Cán bộ coi thi 2   G.Viên chấm thi 1   G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh (22821801)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: ... 29

Số tờ giấy thi: 29

*Đuyệt*  
*Đoàn Văn*  
*Đuyệt*  
*Nguyễn*  
*Nai Trang*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên   | Nam/Nữ | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV          | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|-----|------------|-------------|--------|------------|----------|----------------|--------------------|---------------|----------------|------------|------------|
| 30  | 2125180004 | Nguyễn Tuấn | Nam    | 26/06/2007 | CCQ2518A | 30             | <i>[Signature]</i> | 6.0           | 8.2            | 7.3        |            |
| 31  | 2125180021 | Phan Xuân   | Nam    | 27/04/2007 | CCQ2518A | 35             | <i>Nguyễn</i>      | 5.8           | 7.8            | 7.0        |            |
| 32  | 2125180017 | Trần Chính  | Nguyên | 06/01/2007 | CCQ2518A | 32             | <i>Nguyễn</i>      | 3.0           | 6.8            | 5.3        |            |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh (22821801)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: ... 29

Số tờ giấy thi: .....

*Nguyễn Thị Nhung*  
*Nguyễn Thị Nhung*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV     | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú         |
|-----|------------|-----------------|-----------|------------|-------------|---------------|------------|-------------|---------|-----------------|
| 1   | 2125180025 | Võ Phạm Chí     | Nguyễn    | 14/05/2007 | CCQ2518A    | <i>Chí</i>    | 3.6        | 4.8         | 4.3     |                 |
| 2   | 2125180003 | Võ Bảo Hoài     | Nhân      | 07/08/2007 | CCQ2518A    | <i>Nhân</i>   | 5.0        | 7.0         | 6.2     |                 |
| 3   | 2125180010 | Đinh Xuân Hoàng | Nhật      | 15/11/2007 | CCQ2518A    | <i>Nhật</i>   | 5.2        | 6.4         | 5.9     |                 |
| 4   | 2125180041 | Võ Bá           | Nhật      | 29/10/2007 | CCQ2518B    |               | 0.0        |             |         |                 |
| 5   | 2125180005 | Châu Gia        | Phát      | 04/12/2007 | CCQ2518A    | <i>Phát</i>   | 5.6        | 5.6         | 5.6     |                 |
| 6   | 2124180111 | Võ Huỳnh Thịnh  | Phát      | 13/07/2006 | CCQ2418B    | <i>Phát</i>   | 6.4        | 7.8         | 7.2     |                 |
| 7   | 2125180052 | Trần Ngọc Thanh | Phong     | 05/03/2007 | CCQ2518B    | <i>Phong</i>  | 5.2        | 4.8         | 5.0     | HP <sub>R</sub> |
| 8   | 2125180066 | Nguyễn Hoàng    | Phúc      | 03/07/2007 | CCQ2518B    | <i>Phúc</i>   | 2.8        | 8.0         | 5.9     | HP <sub>R</sub> |
| 9   | 2125180063 | Nguyễn Duy      | Phương    | 29/12/2007 | CCQ2518B    | <i>Phương</i> | 6.2        | 6.8         | 6.6     |                 |
| 10  | 2125180039 | Huỳnh Ngọc      | Quân      | 10/01/2006 | CCQ2518B    | <i>Quân</i>   | 5.2        | 6.0         | 5.7     | HP <sub>R</sub> |
| 11  | 2123180099 | Huỳnh Vũ Minh   | Quân      | 05/06/2005 | CCQ2318A    | <i>Quân</i>   | 5.0        | 7.8         | 6.7     |                 |
| 12  | 2125180067 | Hồ Minh         | Quang     | 14/10/2007 | CCQ2518B    | <i>Quang</i>  | 6.0        | 4.8         | 5.3     |                 |
| 13  | 2125180034 | Nguyễn Xuân     | Quang     | 02/09/2005 | CCQ2518A    | <i>Quang</i>  | 7.2        | 7.8         | 7.6     |                 |
| 14  | 2125180065 | Dung Thanh      | Sang      | 07/07/2007 | CCQ2518B    |               | 0.0        |             |         | HP              |
| 15  | 2125180029 | Phan Thanh      | Tài       | 30/05/2007 | CCQ2518A    | <i>Tài</i>    | 8.4        | 7.2         | 7.7     |                 |
| 16  | 2125180056 | Bùi Văn         | Thạch     | 21/09/2007 | CCQ2518B    |               | 0.0        |             |         | HP              |
| 17  | 2125180007 | Trần Đình       | Thái      | 06/11/2007 | CCQ2518A    | <i>Thái</i>   | 5.8        | 7.8         | 7.0     |                 |
| 18  | 2125180048 | Võ Thành        | Thảo      | 02/08/2003 | CCQ2518B    | <i>Thảo</i>   | 7.6        | 8.4         | 8.1     |                 |
| 19  | 2125180045 | Ngô Anh         | Thế       | 24/09/2006 | CCQ2518B    | <i>Thế</i>    | 5.6        | 7.6         | 6.8     |                 |
| 20  | 2124340035 | Lê Trung        | Thiên     | 27/11/2006 | CCQ2434A    | <i>Thiên</i>  | 6.6        | 7.6         | 7.2     |                 |
| 21  | 2125180123 | Nguyễn Ngọc     | Thiện     | 30/05/2007 | CCQ2518A    | <i>Thiện</i>  | 7.2        | 5.4         | 6.1     |                 |
| 22  | 2125180002 | Phan Lê Chí     | Thiện     | 28/06/2007 | CCQ2518A    |               | 0.0        |             |         |                 |
| 23  | 2125180124 | Nguyễn Chí      | Thịnh     | 16/06/2007 | CCQ2518A    | <i>Thịnh</i>  | 6.2        | 6.8         | 6.6     |                 |
| 24  | 2125180069 | Nguyễn Trường   | Thịnh     | 04/04/2007 | CCQ2518B    | <i>Thịnh</i>  | 6.6        | 7.2         | 7.0     |                 |
| 25  | 2125180038 | Trần Văn        | Tiếp      | 12/01/2007 | CCQ2518B    | <i>Tiếp</i>   | 5.0        | 7.6         | 6.6     |                 |
| 26  | 2125180020 | Nguyễn Thành    | Trung     | 30/09/2007 | CCQ2518A    | <i>Trung</i>  | 7.0        | 6.0         | 6.4     |                 |
| 27  | 2125180030 | Đỗ Đình         | Trường    | 23/10/2007 | CCQ2518A    | <i>Trường</i> | 7.4        | 5.6         | 6.3     |                 |
| 28  | 2125180054 | Nguyễn Nhật     | Tường     | 25/03/2007 | CCQ2518B    | <i>Tường</i>  | 6.0        | 8.0         | 7.2     |                 |
| 29  | 2125180062 | Nguyễn Thái     | Vĩ        | 26/01/2007 | CCQ2518B    | <i>Vĩ</i>     | 5.2        | 8.0         | 6.9     | <i>Thái</i>     |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh (22821801)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: .....

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên           | Quốc tịch       | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%)     | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú         |
|---------------|-----------------------|---------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|-------------|-----------|----------------|-------------|---------|-----------------|
| 30            | 2125180024            | Nguyễn Quốc         | Việt            | 08/08/2007            | CCQ2518A            |             |           | 5.2            | 6.2         | 5.8     |                 |
| 31            | 2124340039            | Trần Minh           | Việt            | 18/09/2006            | CCQ2434A            |             |           | 6.2            | 7.4         | 6.9     |                 |
| <del>32</del> | <del>2125180057</del> | <del>Trần Văn</del> | <del>Việt</del> | <del>13/12/2007</del> | <del>CCQ2518B</del> |             |           | <del>0.0</del> |             |         | <del>HP</del>   |
| 33            | 2125180068            | Nguyễn Như          | Vinh            | 21/01/2007            | CCQ2518B            |             |           | 6.0            | 7.4         | 6.8     | HP <sub>R</sub> |
| 34            | 2125180013            | Phan Tuấn           | Vũ              | 27/08/2007            | CCQ2518A            |             |           | 4.8            | 7.4         | 6.4     |                 |